

Bản án số 02/2023/KDTM-PT  
Ngày 06 – 01 – 2023  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
-----

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Hiếu

Bà Nguyễn Hữu Thị Hào Hảo

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06-01-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 34/2022/TLPT-KDTM ngày 23-11-2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2022/KDTM-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2022/QĐ-PT ngày 30-11-2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 159/2022/TLPT-DS ngày 14-12-2022; giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng A**; Địa chỉ: Số 02 đường B, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Đình H; chức vụ: Phó Trưởng phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ; theo Quyết định uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01-12-2022 của Tổng Giám đốc và Giấy uỷ quyền số 144/GUQ-NHNoĐĐ-KHKD ngày 07-12-2022 của Giám đốc chi nhánh; có mặt.

\* *Bị đơn:* **Công ty TNHH P**; Địa chỉ: 135 đường E, phường G, quận H, thành phố Đà Nẵng;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đinh Xuân L; sinh năm 1983; địa chỉ: thôn J, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Nam; theo Giấy uỷ quyền ngày 03-01-2023 của Giám đốc công ty; có mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971 và bà Võ Thị H, sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: 135 đường E, phường G, quận H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Ông Phan Phú S, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; Cùng địa chỉ: 209 đường U, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

*\* Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty TNHH P.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:*

*\* Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - Ngân hàng A trình bày tại Đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa:*

Vào ngày 16-4-2020, Ngân hàng A - Chi nhánh Đồng Đa Đà Nẵng cho Công ty TNHH P vay vốn theo hạn mức tín dụng với Tổng hạn mức tín dụng được cấp tối đa là 26.000.000.000đ (Hai mươi sáu tỷ đồng chẵn) tại Hợp đồng tín dụng số 2010-LAV-202000110 đã ký ngày 16-4-2020 ; Mục đích vay vốn : Bổ sung vốn lưu động để thu mua phế liệu và các chi phí khác phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất 8,5%/ năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo quy định.

Ngân hàng đã giải ngân 20.000.000.000đ (Hai mươi tỷ đồng) theo các Giấy nhận nợ số 2010-LDS-202001172 ngày 18-12-2020, số 2010-LDS-202100006 ngày 06-01-2021, số 2010-LDS-202100013 ngày 08-01-2021, số 2010-LDS-202100759 ngày 25-8-2021, số 2010-LDS-2020001087 ngày 01-12-2020, số 2010-LDS-202001077 ngày 27-11-2020, số 2010-LDS-202001069 ngày 25-11-2020, số 2010-LDS-202001060 ngày 23-11-2020, số 2010-LDS-202001051 ngày 19-11-2020, số 2010-LDS-202001039 ngày 17-11-2020, số 2010-LDS-201001026 ngày 13-11-2020, số 2010-LDS-202001141 ngày 14-12-2020, số 2010-LDS-2020001156 ngày 16-12-2020 cho Công ty TNHH P.

Để đảm bảo cho số tiền vay nói trên Công ty TNHH P đã thế chấp:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 222; Tờ bản đồ số: 286; Địa chỉ: Lô 1721 khu B3-1, Khu đô thị L, phường N, quận U, thành phố Đà Nẵng; Chủ sở hữu tài sản: Nguyễn Thanh T, Võ Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM767530 (Số vào sổ cấp GCN:CT 48334) do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-5-2018, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1736/HĐTC ngày 05-12-2018 được công chứng bởi Phòng Công chứng Bảo Nguyệt, số công chứng 10612, được sửa đổi bổ sung bằng Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 1736.01/BS2020 ngày 15-4-2020 được công chứng bởi Phòng Công chứng Bảo Nguyệt số công chứng 988; chứng nhận đăng

ký thể chấp ngày 05-12-2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận I, thành phố Đà Nẵng.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: B4-25; Tờ bản đồ số: KT01; Địa chỉ: Khu dân cư V, phường M, quận S, TP Đà Nẵng; Chủ sở hữu tài sản: Phan Phú S, Nguyễn Thị T; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AK482984 (*Số vào sổ cấp GCN: H06585*) do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17-9-2007, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1702/HĐTC ngày 21-9-2018 được công chứng bởi Phòng Công chứng Trọng Tâm số công chứng 6583; chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 21-9-2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình vay, Công ty TNHH P không thực hiện đúng như cam kết, không trả được nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo sự thỏa thuận. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH P phải trả cho Ngân hàng số tiền (nợ gốc + lãi tạm tính đến hết ngày 30-9-2022) là: 22.992.742.479đ, trong đó nợ gốc 20.000.000.000đ và nợ lãi 2.992.742.479đ.

Ngoài ra, Công ty TNHH P còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 2010-LAV-202000110 đã ký ngày 16-4-2020 kể từ ngày 01-10-2022 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản đảm bảo được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*\* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tham gia pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.*

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc Công ty TNHH P phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền tính đến ngày 30-9-2022 là 22.992.742.479đ, trong đó nợ gốc 20.000.000.000đ và nợ lãi 2.992.742.479đ. Lãi suất được tiếp tục tính kể từ ngày 01-10-2022 theo mức lãi suất quy định Hợp đồng tín dụng số 2010-LAV-202000110 đã ký ngày 16-4-2020 cho đến khi Công ty TNHH P thanh toán xong khoản nợ. Tài sản đảm bảo bị xử lý trong trường hợp bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán và phải chịu án phí, các chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

*\* Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/KDTM-ST ngày 30-9-2022 như sau:*

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 117, 299, 303, 307, 320, 323; 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng A đối với Công ty TNHH P.

Buộc Công ty TNHH P phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền tính đến ngày 30-9-2022 là 22.992.742.479đ (Hai mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng), trong đó nợ gốc 20.000.000.000đ và nợ lãi 2.992.742.479đ.

Kể từ ngày 01-10-2022, Công ty TNHH P còn phải chịu số tiền lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán hết mọi khoản nợ với mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 2010-LAV-202000110 ngày 16-4-2020 mà Công ty TNHH P ký với Ngân hàng A.

Trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 222; Tờ bản đồ số: 286; Địa chỉ: Lô 1721 khu B3-1, Khu đô thị L, phường N, quận U, thành phố Đà Nẵng; Chủ sở hữu tài sản: Nguyễn Thanh T, Võ Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM767530 (Số vào sổ cấp GCN:CT 48334) do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-5-2018, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1736/HĐTC ngày 05-12-2018 được công chứng bởi Phòng Công chứng Bảo Nguyệt số công chứng 10612, được sửa đổi bổ sung bằng Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 1736.01/BS2020 ngày 15-4-2020 được công chứng bởi Phòng Công chứng Bảo Nguyệt số công chứng 988; chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 05-12-2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: B4-25; Tờ bản đồ số: KT01; Địa chỉ: Khu dân cư V, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; Chủ sở hữu tài sản: Phan Phú S, Nguyễn Thị T; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AK482984 (Số vào sổ cấp GCN:H06585) do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17-9-2007 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1702/HĐTC ngày 21-9-2018 được công chứng bởi Phòng Công chứng Trọng Tâm số công chứng 6583; chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 21-9-2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

2. Án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: 130.992.742đ (Một trăm ba mươi triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng) Công ty TNHH P phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 65.264.600đ (Sáu mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0006060 ngày 02-8-2022.

- Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), Công ty TNHH P phải chịu. Ngân hàng A đã tạm ứng nên Công ty TNHH P phải hoàn trả lại cho Ngân hàng A chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

\* *Đơn kháng cáo:* Ngày 25-10-2022, Công ty TNHH P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên về cách tính tiền lãi là chưa đúng, cao so với quy định và trong tình hình dịch bệnh Covid19 nhưng Ngân hàng chưa xem xét đề nghị giãn nợ của công ty. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng giảm khoản tiền lãi và giãn kế hoạch trả nợ cho công ty.

\* *Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng* phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Thanh T, bà Võ Thị H, ông Phan Phú S, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2022/KDTM-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không có kháng cáo, kháng nghị về số tiền nợ gốc Công ty TNHH P phải thanh toán cho Ngân hàng A, về xử lý tài sản đảm bảo, về án phí, chi phí tố tụng nên phần quyết định về các vấn đề này có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét Đơn kháng cáo của Công ty TNHH P về việc yêu cầu được giảm khoản tiền lãi và giãn kế hoạch trả nợ cho công ty.

[3.1] Tại Hợp đồng tín dụng số 2010-LAV-202000110 ngày 16-4-2020 giữa Ngân hàng A và Công ty TNHH P ký với nhau có điều khoản về lãi suất là 8,5%/ năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo quy định đã được hai bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận và lãi suất này phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực để các bên thực hiện. Hợp đồng cũng không có điều khoản nào quy định về việc giãn kế hoạch trả nợ cho công ty.

[3.2] Đồng thời, Ngân hàng A (là bên có quyền) không đồng ý cho Công ty TNHH P được giảm tiền lãi và giãn kế hoạch trả nợ. Ngân hàng cung cấp thông tin đã thực hiện cơ cấu thời gian trả nợ, hỗ trợ giảm một phần lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ khi khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của Covid-19 nhưng Công ty TNHH P vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Công ty TNHH P không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận các nội dung kháng cáo như trên của Công ty.

[4] Các yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH P không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 296, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 299, 303, 307, 320, 323; 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

Không chấp nhận Đơn kháng cáo của Công ty TNHH P.

**I. Giữ nguyên** Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2022/KDTM-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng A đối với Công ty TNHH P.

Buộc Công ty TNHH P phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền tính đến ngày 30-9-2022 là **22.992.742.479đ** (*Hai mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng*), trong đó nợ gốc 20.000.000.000đ và nợ lãi 2.992.742.479đ.

Kể từ ngày 01-10-2022, Công ty TNHH P còn phải chịu số tiền lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán hết mọi khoản nợ với mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 2010-LAV-202000110 ngày 16-4-2020 mà Công ty TNHH P ký với Ngân hàng A.

Trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 222; Tờ bản đồ số: 286; Địa chỉ: Lô 1721 khu B3-1, Khu đô thị L, phường N, quận U, thành phố Đà Nẵng; Chủ sở hữu tài sản: ông Nguyễn Thanh T, bà Võ Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM767530 (*Số vào sổ cấp GCN:CT 48334*) do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09-5-2018, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1736/HĐTC ngày 05-12-2018 được công chứng bởi Phòng Công chứng Bảo Nguyệt số công chứng 10612, được sửa đổi bổ sung bằng Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 1736.01/BS2020 ngày 15-4-2020 được công chứng bởi Phòng Công chứng Bảo Nguyệt số công chứng 988; chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 05-12-2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: B4-25; Tờ bản đồ số: KT01; Địa chỉ: Khu dân cư V, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; Chủ sở hữu tài sản: ông Phan Phú S, bà Nguyễn Thị T; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AK482984 (*Số vào sổ cấp GCN:H06585*) do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17-9-2007, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1702/HĐTC ngày 21-9-2018 được công chứng bởi Phòng Công chứng Trọng Tâm số công chứng 6583; chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 21-9-2018 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng.

## **2. Án phí và chi phí tố tụng khác:**

- Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: 130.992.742đ (*Một trăm ba mươi triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng*) Công ty TNHH P phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 65.264.600đ (*Sáu mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0006060 ngày 02-8-2022.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), Công ty TNHH P phải chịu. Ngân hàng A đã tạm ứng nên Công ty TNHH P phải hoàn trả lại cho Ngân hàng A chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

**II. Án phí dân sự phúc thẩm:** Công ty TNHH P phải chịu 2.000.000đ (*hai triệu đồng*); nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) theo Biên lai thu số 0006847 ngày 07-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

## **III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án*

*dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Hải Châu, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Hải Châu, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Trần Thị Thanh Mai**